

**INFLUENCING FACTORS IN THE  
IMPLEMENTATION OF VIETNAM'S  
2018 NATIONAL CURRICULUM: A CASE  
STUDY OF GEOGRAPHY TEACHERS  
IN SELECTED NORTHERN PROVINCES**

Hoang Thai Tuan<sup>1</sup>  
and Nguyen Phuong Thao<sup>\*2</sup>  
<sup>1</sup>*Marie Curie Long Bien School,  
Hanoi city, Vietnam*

<sup>2</sup>*Faculty of Geography, Hanoi National  
University of Education, Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author Nguyen Phuong Thao,  
e-mail: [nguyenphuongthao@hnue.edu.vn](mailto:nguyenphuongthao@hnue.edu.vn)

Received February 25, 2024.

Revised December 23, 2024.

Accepted December 28, 2024.

**Abstract.** Vietnam has been undertaking an educational reform with the adoption of the 2018 National Curriculum. The implementation of this new curriculum demands preparation and significant efforts from teachers to adapt. This study investigates factors affecting the implementation of the 2018 curriculum among geography teachers. Data was collected through in-depth interviews with 12 geography teachers in various provinces across Northern Vietnam. The findings reveal that teachers faced more challenges than facilitators. Key influencing factors include the curriculum itself, school conditions, societal awareness, subject content, and assessment methods. Based on these findings, the study offers recommendations to help teachers overcome difficulties in implementing the 2018 curriculum and provides insights for teacher professional development.

**Keywords:** influencing factors, geography teachers, 2018 General Education Curriculum.

**CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO  
DỤC PHỔ THÔNG 2018: NGHIÊN CỨU  
TRƯỜNG HỢP GIÁO VIÊN ĐỊA LÝ  
Ở MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC**

Hoàng Thái Tuấn<sup>1</sup>  
và Nguyễn Phương Thảo<sup>\*2</sup>  
<sup>1</sup>*Trường Marie Curie Long Biên,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Nguyễn Phương Thảo,  
e-mail: [nguyenphuongthao@hnue.edu.vn](mailto:nguyenphuongthao@hnue.edu.vn)

Ngày nhận bài: 25/2/2024.

Ngày sửa bài: 23/12/2024.

Ngày nhận đăng: 28/12/2024.

**Tóm tắt.** Trong bối cảnh chương trình giáo dục phổ thông 2018 đang được triển khai trên khắp cả nước, việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới đòi hỏi sự chuẩn bị và nỗ lực thay đổi từ phía giáo viên. Nghiên cứu này xem xét các yếu tố thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 của các giáo viên Địa lý. Dữ liệu phân tích bao gồm các cuộc phỏng vấn sâu với 12 giáo viên Địa lý ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam. Kết quả cho thấy, các giáo viên đang gặp nhiều khó khăn hơn thuận lợi, các nhóm nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến việc thực hiện chương trình của giáo viên Địa lý gồm chương trình và các quy định về thực hiện chương trình, nội dung dạy học, chương trình tập huấn, phụ huynh và học sinh, yêu cầu về kiểm tra đánh giá. Nghiên cứu cung cấp các phản hồi của các giáo viên Địa lý trong những năm đầu tiên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đồng thời đưa ra một số chỉ báo cho công tác bồi dưỡng giáo viên.

**Từ khóa:** yếu tố ảnh hưởng, giáo viên địa lý, Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

## 1. Mở đầu

Đổi mới giáo dục hay cải cách giáo dục là một trong những chủ đề then chốt trong nghiên cứu giáo dục. Các nghiên cứu trước đây đã khám phá và xem xét nhiều khía cạnh khác nhau của quá trình đổi mới từ phát triển chương trình, xây dựng chương trình tập huấn cho GV, động lực của GV và học sinh (HS),... Trong đó, các nhà hoạch định chính sách có vẻ tập trung nhiều hơn vào phát triển chương trình và thiếu sự quan tâm đúng mức đến cách thức triển khai và hiệu quả của chương trình mới ở cấp độ nhà trường và lớp học [1]. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng trong quá trình thực hiện chương trình ở cấp độ nhà trường và lớp học, GV được xem là yếu tố quan trọng nhất quyết định việc thực hiện thành công một chương trình giảng dạy [1], [2], [3], [4], [5]. Tác giả Rahman và cộng sự (2018) nhận thấy quá trình đổi mới trong giảng dạy môn tiếng Anh ở Băng-la-đét trong hơn 20 năm không đạt nhiều hiệu quả do các chính sách đổi mới ít quan tâm đến phản hồi của GV [1]. Tương tự, bản thân GV chính là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới việc thực hiện đổi mới giáo dục tại một số quốc gia và vùng lãnh thổ như Thổ Nhĩ Kỳ, Hồng Kông (Trung Quốc), Trung Quốc, Ma-lai-xi-a [2], [3], [6], [7].

Chương trình giáo dục phổ thông mới được ban hành năm 2018 hay còn gọi là Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Chương trình GDPT 2018) đánh dấu sự chuyển đổi từ một nền giáo dục định hướng tiếp cận nội dung sang định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Những thay đổi về mặt chính sách đòi hỏi sự thay đổi toàn diện của giáo viên (GV) từ phương pháp dạy học, công tác quản lí, kiểm tra đánh giá, phát triển chuyên môn cho giáo viên,... [8]

Hiện nay, nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện đổi mới giáo dục hay chương trình GDPT 2018 ở Việt Nam còn rất hạn chế. Một số kết quả đã được ghi nhận ở nhóm giáo viên Tiếng Anh và giáo viên tiểu học, các yếu tố phổ biến là chính sách, lãnh đạo nhà trường, học sinh và đặc biệt là GV [9], [10], [11], [12], [13], [14]. Như vậy, việc nghiên cứu về thực tiễn thực hiện chương trình GDPT 2018 ở Việt Nam ở các môn học khác đang là một khoảng trống nghiên cứu. Do vậy, nghiên cứu này sẽ tập trung khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình GDPT 2018 của giáo viên Địa lí tại cấp học trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) tại một số trường công lập và tư thục ở Việt Nam nhằm cung cấp những phản hồi của GV trong quá trình thực hiện chương trình GDPT 2018.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện đổi mới giáo dục

Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện đổi mới giáo dục. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện một chương trình giảng dạy mới hay một chính sách đổi mới rất đa dạng, bao gồm: niềm tin và hiểu biết của GV [15], [16], [17], [18], chương trình và các chính sách hỗ trợ sau chương trình [19], [20], [21], các chính sách giáo dục cũ [22], quá trình phát triển chuyên môn giáo viên [11], [16], [22], [23], nhà trường [24], [25], [26], học sinh [22], [26], [27], [28], tài nguyên phục vụ dạy học [1], [5].

Tác giả Carless (1998) cho rằng, nếu GV muốn thực hiện thành công đổi mới, họ cần phải hiểu rõ các nội dung trong chương trình mới và được hướng dẫn cụ thể để ứng dụng các thay đổi vào trong lớp học, nếu không thể đáp ứng các yếu tố trên, việc thực hiện những đổi mới sẽ gặp khó khăn [6]. Nghiên cứu của Wagner (1991), đã chỉ ra rằng GV thường có xu hướng diễn giải những điểm mới về chính sách sao cho phù hợp với phong cách giảng dạy của họ [20]. Điều đó có nghĩa là những nội dung được đề cập trong chính sách sẽ không được thực hiện trong lớp học. Do vậy, niềm tin và hiểu biết của GV là một yếu tố quan trọng.

Bên cạnh yếu tố niềm tin và hiểu biết của giáo viên về chương trình mới, một yếu tố được nhiều nghiên cứu xem xét là chương trình và các chính sách hỗ trợ sau chương trình [1], [2], [7], [21], [29]. Tác giả David Carless (1999) đã thực hiện một nghiên cứu nhằm tìm hiểu các yếu tố

ảnh hưởng đến việc triển khai chương trình dạy học dựa trên nhiệm vụ (task-based) trong dạy học tiếng Anh tại Hồng Kông, kết quả cho thấy bên cạnh nhóm nhân tố liên quan đến giáo viên, bài báo còn nhấn mạnh nhóm nhân tố liên quan đến chính sách, đặc biệt là cách tiếp cận từ trên xuống đang hạ thấp quyền tự chủ của GV [2]. Kết luận này được hỗ trợ bởi một nghiên cứu về đổi mới giảng dạy tiếng Anh tại Băng-la-đét, nghiên cứu kết luận về nguyên nhân việc thực hiện đổi mới không thành công tại quốc gia này là do nhu cầu của GV không được xem xét trong quá trình thực hiện chương trình và đặc biệt là chương trình được xây dựng quá phức tạp, thiếu tính thực tế trong lớp học. Trong đó, các GV cảm thấy khó khăn trong việc thúc đẩy HS tham gia tích cực vào quá trình học tập, ngoài ra những kiến thức trong chương trình mới có nhiều thay đổi so với chương trình cũ cũng gây ra những ý kiến trái chiều từ cộng đồng GV [1]. Sự đơn giản, phức tạp của hay tính mở của chương trình tại bối cảnh Thổ Nhĩ Kỳ quyết định đến sự trung thực của GV trong quá trình thực hiện đổi mới [4], [7]. Cuối cùng, yếu tố chính sách giáo dục cũ cũng đã được một số tác giả đề cập, kết luận chung được đưa ra là dù các chính sách giáo dục mới đang được thi hành thì những chính sách giáo dục trước vẫn ảnh hưởng đến việc giảng dạy của GV trong thực tế hàng ngày [30], [31], [32].

Một yếu tố được nhiều nghiên cứu đề xuất, đó là quá trình đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV. Một nghiên cứu tại Hy Lạp đã nhận thấy sự thiếu hiệu quả của chương trình tập huấn GV là một trong những nguyên nhân khiến cho việc thực hiện đổi mới không thành công. Bên cạnh đó, việc GV không muốn thực hiện đổi mới trong lớp học là do họ không tham gia tập huấn một cách nghiêm túc hoặc các chương trình tập huấn không đáp ứng được nhu cầu của họ [33]. Berman và McLaughlin (1976) chỉ ra rằng giáo viên thích hướng dẫn chi tiết và rõ ràng trong quá trình đào tạo, đồng thời, họ có nhu cầu được quan sát và hỗ trợ khi cần thiết nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình [34], [35].

Các nhóm nhân tố khác như nhà trường, học sinh cũng thúc đẩy hoặc cản trở việc thực hiện đổi mới của GV. Lãnh đạo nhà trường cởi mở, tạo điều kiện hỗ trợ GV và văn hóa nhà trường thúc đẩy thực hiện đổi mới sẽ giúp GV thực hiện chương trình mới dễ dàng hơn [7], [10], [12], [36]. Mặt khác, lãnh đạo ít quan tâm đến đổi mới, cơ sở vật chất không đảm bảo, lớp học quá đông HS, năng lực của HS còn yếu, sự tham gia không tích cực của HS là những yếu tố cản trở rất lớn trong quá trình GV thực hiện đổi mới [1], [7], [21].

Nhiều nhân tố ảnh hưởng được phát hiện ở các bối cảnh khác nhau như: các tài liệu hỗ trợ GV trong quá trình thực hiện đổi mới [1], [5], [9], [21], [37], thời gian thực hiện chương trình gấp rút khiến GV chưa có nhiều sự chuẩn bị [1], [10], [37], dạy học phục vụ các kì thi chuẩn hóa [37], [38], kì vọng của phụ huynh [37], [38], tài nguyên dạy học nghèo nàn [38], sự đầu tư cho giáo dục ở mỗi địa phương là khác nhau [12], kiểm tra đánh giá khác biệt sau đổi mới [1],...

Tại Việt Nam, các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình GDPT 2018 đã được xem xét ở nhóm GV dạy Tiếng Anh và tiểu học, các nhân tố chủ yếu liên quan đến chính sách [10], [12], chương trình phát triển chuyên môn [9], [10], [12], nhà trường [10], GV [9], [12], [14],... Như vậy, các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện đổi mới rất đa dạng, có sự khác biệt trong mỗi bối cảnh thực hiện. Hiện nay, các nghiên cứu về việc thực hiện đổi mới tại Việt Nam đang tập trung vào nhóm GV tiếng Anh và tiểu học. Do vậy, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện đổi mới hay thực hiện chương trình GDPT 2018 từ góc nhìn của các GV ở các môn học khác nhau tại Việt Nam đang là một khoảng trống nghiên cứu cần được tìm hiểu thêm.

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong nghiên cứu này, tác giả thực hiện nghiên cứu theo hướng tiếp cận định tính. Dữ liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn sâu với các câu hỏi bán cấu trúc. Đối tượng tham gia phỏng vấn gồm 12 GV giảng dạy phân môn Địa lí lớp 6, lớp 7 và môn Địa lí lớp 10 với kinh nghiệm dạy học từ 1 năm đến 26 năm. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện từ tháng 11 năm 2022

đến tháng 1 năm 2023. Trong đó, 5 GV có kinh nghiệm dưới 10 năm, 7 GV có kinh nghiệm trên 10 năm; có 4 GV trường tư thục và 8 GV trường công lập. Để dữ liệu được phong phú hơn, tác giả liên hệ GV đến từ nhiều địa phương khác nhau (thể hiện trong Bảng 1), bao gồm: Hà Nội, Sơn La, Hưng Yên, Ninh Bình, Bắc Giang, Lạng Sơn.

**Bảng 1. Thông tin đối tượng tham gia phỏng vấn**

STT	Địa phương	Số lượng GV
1	Hà Nội	5
2	Sơn La	3
3	Hưng Yên	1
4	Ninh Bình	1
5	Bắc Giang	1
6	Lạng Sơn	1
<b>Tổng số</b>		<b>12</b>

Việc phân tích được thực hiện bằng phương pháp quy nạp. Xuất phát từ dữ liệu phỏng vấn, tác giả tiến hành phân tích mã hóa mẫu (Sample coding) với 4 bản ghi (bản gõ băng) và thống nhất các nguyên tắc mã hóa phù hợp [39]. Cuối cùng, tác giả tiến hành phân tích trên toàn bộ dữ liệu còn lại và bổ sung các dữ liệu mã hóa mới sao cho phù hợp với câu hỏi nghiên cứu và các danh mục đã tạo sẵn.

### 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình GDPT 2018 của GV Địa lí

Theo quan điểm của các GV Địa lí, các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình GDPT 2018 chủ yếu gồm bản thân chương trình và các quy định về thực hiện chương trình, nhà trường, chương trình bồi dưỡng GV, HS và phụ huynh. Đa phần các yếu tố đều có 2 mặt: thuận lợi và khó khăn. Tuy nhiên, một số yếu tố chỉ bao gồm thuận lợi như kinh nghiệm hoặc chỉ bao gồm khó khăn như quy định về kiểm tra đánh giá.

*Nhóm yếu tố chương trình và các quy định về thực hiện chương trình* được xem là nhóm yếu tố ảnh hưởng nổi bật nhất từ quan điểm của GV. Bản thân chương trình bao gồm cả hai mặt thuận lợi và khó khăn. Về mặt thuận lợi, một số GV cảm thấy nội dung môn Địa lí trong chương trình mới vừa sức hơn và có tính thực tiễn hơn. Ở một số trường tư thục, HS chỉ học môn Địa lí trong cả một học kì nên triển khai các mạch nội dung trong chương trình mới tương đối phù hợp. Bên cạnh đó, các GV còn đề cập đến yếu tố mục tiêu dạy học rõ ràng, việc xây dựng phân phối chương trình linh hoạt tạo điều kiện để mỗi nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể (trích xuất 1).

*Trích xuất 1. “Về khung chương trình, cô được chủ động xây dựng nội dung mà mình muốn truyền tải cho HS. Ví dụ như cách viết sách giáo khoa cô thấy phù hợp ở chỗ các thầy cô chỉ đưa ra các chủ đề và không giới hạn về thời lượng tiết. Vì vậy, cô được chủ động về việc xây dựng thời lượng và nghiên cứu để xây dựng phù hợp đúng với đối tượng HS của mình.” (GV 18)*

Nhiều GV đề cập rằng chương trình mới cung cấp nhiều tài liệu tham khảo hơn, bao gồm các bộ sách giáo khoa và sách giáo viên, cho phép GV được tự do lựa chọn tài liệu tham khảo để xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động phù hợp với HS (trích xuất 2).

*Trích xuất 2. “Cô sẽ chủ động hơn về lựa chọn sách, chủ động hơn trong xây dựng từng nội dung cho phù hợp với HS, trường, lớp của mình.” (GV3)*

Tuy nhiên, một số GV cảm thấy việc thực hiện các chuyên đề học tập khó thiết kế bởi bản chất việc học chuyên đề cần học liên tục qua nhiều tiết nhưng do yếu tố từ cơ sở vật chất, các lớp học không đảm bảo nên GV phải dạy chuyên đề từng tuần. Điều này ảnh hưởng đến sự hứng thú của HS khi học chuyên đề học tập. Bên cạnh đó, một số GV bậc THCS chia sẻ rằng kiến thức lớp

6 và lớp 7 ở chương trình mới khá khó đối với HS (trích xuất 3). Ngoài ra, GV cũng cho rằng, một số chủ đề nội dung của chương trình mới và chương trình cũ đang có sự khác biệt, một số GV lo ngại khi HS đi thi không biết nên sử dụng mảng kiến thức nào.

*Trích xuất 3. “HS lớp 6 mới tiếp xúc với môn học đã học phần bản đồ rất khô khan, nếu GV làm không tốt [...] HS rất dễ nản bỏ môn Địa. [...] đối với THPT lớp 10 năm nay thì cũng học bản đồ luôn, [...] khá là nhiều và khó. Vài nội dung bị cắt mất, ví dụ như các hệ quả tự quay quanh trục thì cắt mất sự lệch hướng chuyển động của các vật thể. Bây giờ muốn HS giải thích về hướng gió thì HS không giải thích được. [...] Bây giờ thi học sinh giỏi đang rất mơ hồ, những nội dung mà chương trình cũ có liệu có đưa vào thi học sinh giỏi hay không.” (GV 2)*

Đáng chú ý, các GV cho rằng các quy định liên quan đến thực hiện chương trình đang gây ra khó khăn cho họ. Cụ thể, việc soạn giáo án theo công văn mới tốn nhiều thời gian (trích xuất 4). Bên cạnh đó, các bộ sách có cách triển khai nội dung khác nhau, một số nội dung chưa đồng nhất khiến GV giữa các trường cảm thấy khó khăn.

*Trích xuất 4. “Đối với thầy, việc soạn giáo án theo công văn 5512 thực sự tốn quá nhiều thời gian của GV bởi GV phải nghiên cứu các bộ sách khác nhau, họ cũng phải hiểu rõ các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực để áp dụng phù hợp với từng đối tượng HS. Và đặc biệt, tốt hơn nữa còn phải khảo sát nhu cầu, xem xét tình hình cơ sở vật chất có phù hợp hay không...” (GV 3).*

Nhóm yếu tố nhà trường cũng bao gồm hai mặt thuận lợi và khó khăn. Về thuận lợi, sự thúc đẩy và tạo điều kiện của ban giám hiệu giúp GV thực hiện các ý tưởng của bản thân dễ dàng hơn (trích xuất 5).

*Trích xuất 5. “Về mặt quản lý, cô cũng nhận được sự quan tâm chỉ đạo từ trên xuống, từ cấp Bộ, Sở rồi đến trường. Ở tổ chuyên môn, mọi người luôn có ý thức rằng cần phải đầu tư, quan tâm cho việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới.” (GV 14)*

Các GV cho rằng khó khăn từ phía nhà trường chủ yếu đến từ cơ sở vật chất chưa đảm bảo. Họ cho rằng, quy mô lớp học và số lượng lớp học hiện nay chưa phù hợp để thực hiện phát triển năng lực cho người học. Cụ thể, nhiều trường không đủ lớp học nên HS phải học các lớp ghép số lượng lên tới gần 60 HS; một số trường chuyên mặc dù chỉ có 35 HS một lớp nhưng GV nhận định rằng số lượng này vẫn khá đông. Ngoài ra, GV dạy theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực nhưng vẫn phải đảm bảo các chỉ tiêu của nhà trường về các cuộc thi cho GV và HS, bên cạnh đó, nhiều thủ tục hành chính khiến cho GV không đủ thời gian để tập trung phát triển chuyên môn.

*Nhóm yếu tố chương trình bồi dưỡng GV là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới việc thực hiện chương trình mới của các GV Địa lí. Một số GV ban đầu lo lắng khi thực hiện chương trình mới do chưa hiểu rõ tinh thần, mục tiêu của chương trình, sau khi tham gia các chương trình tập huấn họ cảm thấy tự tin hơn, đồng thời các đồng nghiệp cũng thúc đẩy nhau hơn trong thực hiện đổi mới (trích xuất 6).*

*Trích dẫn 6. “Cô cảm thấy thuận lợi vì Bộ Giáo dục đã có những văn bản cũng như chương trình tự bồi dưỡng qua mạng rất thiết thực đối với GV.” (GV 10)*

Tuy nhiên, phần lớn các GV đều đồng thuận rằng, các chương trình bồi dưỡng, tập huấn về cơ bản chưa đủ để hỗ trợ GV thực hiện tốt chương trình, họ cần thêm các khóa tập huấn cho các nội dung khác nhau (trích dẫn 7).

*Trích dẫn 7. “Tình cô hiện nay chưa có những đợt tập huấn trực tiếp về sách mới, phương pháp mới như trong các mô-đun mà chỉ dừng lại ở tập huấn trực tuyến thôi. Sở thỉnh thoảng cũng tổ chức cho các giáo viên trao đổi phương pháp ở cụm nhưng chỉ là sự mày mò cá nhân hay của mỗi trường nên chưa có sự chính thống. Cần nhiều hơn nữa những đợt tập huấn trực tiếp.” (GV 9).*

Ngoài ra, một số GV cốt cán tham gia tập huấn từ BGD&ĐT (chương trình ETEP) bày tỏ sự lo lắng vì nhiều GV đại trà tham gia tập huấn không tích cực, họ đề xuất cần quan tâm nhiều hơn tới nhóm GV này.

*Nhóm yếu tố HS và phụ huynh HS*, một số trường học (chủ yếu là các trường chuyên) có HS có năng lực tốt, do vậy GV không gặp nhiều khó khăn trong tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Tuy nhiên, một số GV đề cập rằng HS không tích cực gây ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình tổ chức các hoạt động trong lớp học. Bên cạnh đó, nhiều phụ huynh phàn nàn về việc con của mình phải chuẩn bị nhiều cho môn Địa lí tại nhà, các phụ huynh có kiến nghị đến nhà trường nên có sự điều chỉnh do môn học này không phải môn thi đại học của các HS đó (trích xuất 8).

*Trích xuất 8. “Dạy theo chương trình mới, cô nhiều khi ép HS của mình phải học, làm việc nhiều hơn trên lớp và ở nhà, nhiều khi phụ huynh kiến nghị lên tận trường luôn vì họ nghĩ con họ không cần thi môn Địa năm lớp 12 thì GV chỉ cần dạy đơn giản thôi. Dù chương trình có linh động và GV cũng linh động thì cũng không tránh khỏi những dư luận như vậy.” (GV 13).*

Yếu tố thuận lợi khác như kinh nghiệm dạy học lâu năm giúp GV tự tin hơn, đồng thời GV có nhiều trải nghiệm hơn để lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật phù hợp cho từng nội dung.

Mặc dù chương trình mới đã được thực hiện nhưng khâu kiểm tra, đánh giá vẫn được thực hiện như chương trình cũ (trích xuất 9), một số GV cho rằng điều này cần phải thay đổi, vì nhiều HS và phụ huynh vẫn cần điểm thi cao, tạo áp lực cho GV phải tập trung dạy về kiến thức phục vụ cho HS đi thi.

*Trích xuất 9. “Một khó khăn đối với kiểm tra đánh giá, cô thấy chương trình giảng dạy thì đang chạy theo chương trình mới nhưng cách thức kiểm tra đánh giá hiện tại vẫn chưa có nhiều đổi mới. Cô hiểu chương trình đang hướng đến đánh giá sự tiến bộ của HS, tức là khi em mới vào lớp 10, em đạt 2 điểm ở bài đầu tiên nhưng sau một kì học điểm của em đã lên đến 4 hoặc 5, điều này chứng tỏ em có tiến bộ. Làm theo cách này thì cô chưa thấy ở đâu cả” (GV 14)*

Cuối cùng, nghiên cứu cũng phát hiện ra một số điểm khác biệt về các yếu tố ảnh hưởng từ thâm niên công tác của các GV. Mặc dù điều này không thể hiện quá rõ ràng, nhưng một số khác biệt giữa hai nhóm GV trên 10 năm kinh nghiệm và nhóm GV dưới 10 năm kinh nghiệm đã được phát hiện. Cụ thể, nhóm GV dưới 10 năm kinh nghiệm gặp nhiều khó khăn liên quan đến chương trình (nội dung dạy học) nhiều hơn, còn nhóm GV trên 10 năm kinh nghiệm gặp khó khăn chủ yếu liên quan đến những đổi mới của chương trình, họ có nhu cầu cần tập huấn thêm nhiều nội dung khác về công nghệ thông tin hoặc về các công cụ kiểm tra đánh giá.

## 2.4. Thảo luận

Nghiên cứu đã xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình GDPT 2018 từ quan điểm của GV Địa lí. Kết quả của nghiên cứu đang chỉ ra những thuận lợi đối với GV trong việc thực hiện chương trình GDPT 2018. Hiện nay, GV được tự do lựa chọn bộ sách giáo khoa cho môn học mà mình dạy, đồng thời, họ không bắt buộc phải dùng một bộ sách duy nhất. Điều này là điểm khác biệt so với chương trình GDPT trước đây của Việt Nam khi GV không có nhiều sự lựa chọn tài nguyên dạy học do chỉ có một bộ sách giáo khoa dùng chung cho cả nước [9]. Sự gia tăng quyền tự chủ của GV khiến họ cảm thấy có giá trị hơn và có động lực hơn, điều này dự báo có thể đem lại những hiệu quả tích cực trong việc thực hiện chương trình GDPT 2018 [9]. Nhóm yếu tố liên quan đến nhà trường như lãnh đạo, cơ sở vật chất, đồng nghiệp được phát hiện trong nghiên cứu này cũng tương đồng với các nghiên cứu trước đây, các nhà nghiên cứu nhìn nhận lãnh đạo nhà trường chính là những người thúc đẩy họ thay đổi, khích lệ tinh thần và nâng cao mức độ hiệu quả trong triển khai chương trình giảng dạy mới [7], [11], [37], [40]. Ngoài ra, yếu tố cơ sở vật chất đảm bảo cho thực hiện chương trình mới, sự tham gia tích cực của đồng nghiệp cũng được nhìn nhận ở các nghiên cứu tại Việt Nam [9], [12], [38].

Việc tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng cũng đồng thời chỉ ra những thách thức, thách thức lớn nhất thuộc về yếu tố chương trình, cụ thể là định hướng mới về phát triển phẩm chất và năng lực người học, thay đổi về nội dung môn học, đổi mới về kiểm tra đánh giá, đổi mới về mẫu giáo án trong một thời gian ngắn khiến cho GV gặp nhiều vất vả. Về yếu tố nội dung môn học, GV Địa

lí đang gặp phải những khó khăn với một số nội dung có sự tương đồng với chương trình cũ, một số GV cảm thấy hoang mang khi cùng một chủ đề nhưng sách giáo khoa mới và sách giáo khoa cũ đang đưa ra những kiến thức khác nhau. Ví dụ, trong SGK Địa lí 10 ở chương trình 2006, khi viết về đặc điểm của ngành công nghiệp, đặc điểm đầu tiên là “Sản xuất công nghiệp gồm hai giai đoạn”; tuy nhiên, trong ba bộ sách mới chỉ có bộ sách Chân trời sáng tạo đề cập rằng “sản xuất công nghiệp có nhiều công đoạn”, hai bộ sách còn lại không nói đến các giai đoạn của sản xuất công nghiệp. Điều này cần được tìm hiểu thêm ở các môn học khác để có một bức tranh tổng quát hơn. Tiếp theo, quy mô lớp học đông cũng là một thách thức và đã được chỉ ra trong một số nghiên cứu trước đây [9], [21], [38]. Các GV Địa lí coi đây là một cản trở vì họ khó quan sát và hỗ trợ HS khi tổ chức các hoạt động hợp tác theo nhóm. Cuối cùng, các yếu tố khó khăn khác về học sinh, phụ huynh, hay nói cách khác là nhận thức xã hội, và kiểm tra đánh giá cũng được phát hiện ở một số nghiên cứu [1], [21], [37]. Việc kiểm tra đánh giá hiện nay được GV thừa nhận là họ vẫn đang thực hiện đánh giá HS theo cách thức của chương trình cũ vì bản thân họ chưa đủ năng lực và chưa nhận được đầy đủ sự hỗ trợ đủ để triển khai ở trường học của mình. Điều này là một cảnh báo khi một nghiên cứu tại Bangladesh đã chỉ ra nguyên nhân của sự thất bại trong đổi mới chương trình giảng dạy Tiếng Anh của họ một phần do kiểm tra đánh giá. Mặc dù chương trình mới hướng đến đánh giá thường xuyên nhưng hiện trạng lại đánh giá tập trung vào điểm số ở các kì thi cuối học kì và kì thi chung, do vậy, GV tập trung vào giảng dạy những phần sẽ xuất hiện trong bài thi chứ không tập trung vào phát triển năng lực người học [1].

Kết quả của nghiên cứu này chỉ ra rằng cách GV nhìn nhận về chương trình, cụ thể là nhận thức, niềm tin của GV đối với chương trình GDPT 2018 là một yếu tố ảnh hưởng chủ yếu tới việc hiện thực hóa mục tiêu giáo dục trong phạm vi trường học và lớp học. Trong một số trường hợp, GV có thể chưa thực sự hiểu hết nội dung, thông điệp, tinh thần của chương trình GDPT 2018, ví dụ như trong trích xuất 9, GV cho rằng cách kiểm tra đánh giá hiện tại chưa có nhiều đổi mới. Trong bối cảnh GV còn gặp nhiều khó khăn với bản thân chương trình mới, các chương trình bồi dưỡng GV trở nên vô cùng quan trọng nhằm giúp GV trang bị và phát triển những năng lực cần thiết để thực hiện những mục tiêu giáo dục cụ thể [41]. Do thực hiện và triển khai trong một thời gian ngắn nên các chương trình tập huấn chưa đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của GV. Sự thiếu chuẩn bị này có thể cản trở và làm giảm động lực của GV trong việc thực hiện thành công chương trình GDPT 2018 [9], [42].

### **3. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các GV Địa lí tại Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn hơn thuận lợi trong quá trình thực hiện chương trình GDPT 2018. Cụ thể, các nhóm yếu tố khiến cho GV gặp nhiều trở ngại nhất bao gồm chương trình và các quy định về thực hiện chương trình, nội dung dạy học, nhận thức xã hội, yêu cầu về kiểm tra đánh giá. Nghiên cứu này bước đầu tìm hiểu những phản hồi của GV về chương trình mới. Điều này là chỉ báo cho các nhà hoạch định chính sách, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và các nhà trường quan tâm thúc đẩy thuận lợi và khắc phục một số khó khăn trong quá trình GV thực hiện chương trình mới. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực của GV thông qua các khóa đào tạo tự chọn. Rất nhiều GV cho rằng các chương trình bồi dưỡng GV hiện nay chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của họ, GV cần nhiều hơn nữa các khóa đào tạo về phương pháp giảng dạy, xây dựng các công cụ kiểm tra đánh giá. Điều này được một số trường tự thực thực hiện tốt thể hiện qua việc một số GV trường tự thực cảm thấy được hỗ trợ rất nhiều, nhưng GV tại các trường công lập lại có nhu cầu nâng cao thêm về các khía cạnh này.

Thứ hai, cung cấp sự hỗ trợ về tài liệu tham khảo cho GV. Một số GV cảm thấy khó khăn trong việc tìm kiếm các tài liệu hỗ trợ trong khi thực hiện giảng dạy và thiết kế các công cụ kiểm

tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực. Những nội dung mới như chuyên đề học tập cần được bổ sung các tài liệu hướng dẫn chi tiết để GV triển khai một cách hiệu quả.

Cuối cùng, nghiên cứu này chỉ đang tập trung vào nhóm GV Địa lí ở một số tỉnh phía Bắc, vì vậy cần thêm các nghiên cứu với quy mô GV lớn hơn và với các môn học khác nhau để có một bức tranh khái quát hơn. Bên cạnh đó, nghiên cứu được thực hiện sau khi chương trình GDPT 2018 được triển khai sau hai năm, do vậy chỉ có lớp 6, 7 ở bậc THCS và lớp 10 ở bậc THPT đang được thực hiện chương trình mới. Vì vậy, hướng nghiên cứu này cần được thực hiện trong các năm tiếp theo để tìm hiểu thêm sự thay đổi về các yếu tố ảnh hưởng đến GV khi họ đã có kinh nghiệm hơn trong quá trình thực hiện chương trình.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Rahman MM, Pandian A, and Kaur M, (2018). Factors affecting teachers' implementation of communicative language teaching curriculum in secondary schools in Bangladesh. *Qualitative Report*, 23(5), 1104–1126.
- [2] Carless D, (1999). Factors Affecting Classroom Implementation: Task-Based Curriculum Renewal in Hong Kong. *International Journal of Educational Reform*, 8(4), 374–382.
- [3] Wang H. and Cheng L, (2009). Factors Affecting Teachers' Curriculum Implementation. *Linguistics Journal*, 4(2).
- [4] Kirkgöz Y, (2008). A case study of teachers' implementation of curriculum innovation in English language teaching in Turkish primary education. *Teach Teach Educ*, 24(7), 1859–1875.
- [5] Fullan M, (2007), The New Meaning of Educational Change. *Teachers College Press*, London.
- [6] Carless DR, (1998). A case study of curriculum implementation in Hong Kong. *System*, 26(3), 353–368.
- [7] Bümen NT, Çakar E & Yildiz DG, (2014). Curriculum fidelity and factors affecting fidelity in the Turkish context. *Kuram ve Uygulamada Eğitim Bilimleri*, 14(1).
- [8] Dimmock C, Tan CY, Nguyen D, et al, (2021). Implementing education system reform: Local adaptation in school reform of teaching and learning. *International Journal of Educational Development*, 80, 102302.
- [9] Pham KT, Ha X. Van, Tran NH, et al, (2023). Curriculum reform in Vietnam: primary teachers' views, experiences, and challenges. *International Journal of Primary, Elementary and Early Years Education*, 3(13), 1–12.
- [10] Xuan Mai L. and Thanh Thao L, (2022). English language teaching pedagogical reforms in Vietnam: External factors in light of teachers' backgrounds. *Cogent Education*, 9(1).
- [11] Nguyen YTX, Ha X. Van & Tran NH, (2022). Vietnamese primary school teachers' needs for professional development in response to curriculum reform. *Educ Res Int*, 2022.
- [12] Nguyễn THN, Đỗ TTD, Lư TH, et al, (2023). Implementation of the 2018 Curriculum in English: A teacher's perspective on program execution. *Tạp chí Giáo dục*, 23(05), 58–63.
- [13] Van Ha X, Tran NG, & Tran NH, (2021). Teachers' beliefs and practices regarding assessment in English as a foreign language classrooms in Vietnam. *The Qualitative Report*, 26(11), 3457–3475.
- [14] Vinh LA, Hạnh HP, Diễm BT, et al, (2021). Implementation of the General Education Curriculum in Grade 1, academic year 2020-2021: Existing issues and solutions. *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam*, (37), 9–13.
- [15] Abrami PC, Poulsen C & Chambers B, (2004). Teacher Motivation to Implement an Educational Innovation: Factors differentiating users and non-users of cooperative learning.

*Educ Psychol (Lond)*, 24(2), 201–216.

- [16] Kwakman K, (2003). Factors affecting teachers' participation in professional learning activities. *Teach Teach Educ*, 19(2), 149–170.
- [17] Ross JA, (1994). The impact of an inservice to promote cooperative learning on the stability of teacher efficacy. *Teach Teach Educ*, 10(4), 381–394.
- [18] Thompson D, Bell T, Andreae P, et al, (2013). The role of teachers in implementing curriculum changes. *Proceeding of the 44th ACM technical symposium on Computer science education*, 245–250.
- [19] Pelletier LG, Séguin-Lévesque C, and Legault L, (2002). Pressure from above and pressure from below as determinants of teachers' motivation and teaching behaviors. *J Educ Psychol*, 94(1).
- [20] Wagner J, (1991). *Innovations in foreign language teaching. Foreign/second language pedagogy research: A commemorative volume for Clause Faerch*. Multilingual Matters Limited, 288–306.
- [21] Waters A & Vilches MLC, (2008). Factors affecting ELT reforms: The case of the Philippines Basic Education Curriculum. *RELC Journal*, 39(1), 5–24.
- [22] Appova A & Arbaugh F, (2018). Teachers' motivation to learn: implications for supporting professional growth. *Professional Development in Education*, 44(1), 5–21.
- [23] Vermunt JD & Endedijk MD, (2011). Patterns in teacher learning in different phases of the professional career. *Learn Individ Differ*, 21(3).
- [24] Eyal O & Roth G, (2011). Principals' leadership and teachers' motivation: Self-determination theory analysis. *Journal of Educational Administration*, 49(3), 256–275.
- [25] Hart P, (1998). Rethinking Educational Change with Heart and Mind. *HartCanadian Journal of Education*, 23(2).
- [26] Inok Ahn, (2014). *Relations between Teachers' Motivation and Students' Motivation: A Self-Determination Theory Perspective Master of Science in Education*. Master of Science in Education, Purdue University.
- [27] Noels KA, Pelletier LG, Clément R, et al, (1999), *Why Are You Learning a Second Language? Motivational Orientations and Self-Determination Theory. Language learning*, 50(1), 57–85.
- [28] Thoonen EEJ, Slegers PJC, Oort FJ, et al, (2011). How to improve teaching practices: The role of teacher motivation, organizational factors, and leadership practices. *Educational Administration Quarterly*, 47(3).
- [29] Wallace CS & Priestley M, (2011). Teacher beliefs and the mediation of curriculum innovation in Scotland: A socio-cultural perspective on professional development and change. *Journal of Curriculum Studies*, 43(3).
- [30] Darling-Hammond L, (1990). Instructional policy into practice: “The power of the bottom over the top”. *Educ Eval Policy Anal*, 12(3), 339–347.
- [31] Thieman GY, (2000), *Factors influencing middle school teachers to change classroom practice in response to standards-based reform*, Portland State University.
- [32] Thao LT & Mai LX, (2022). English language teaching reforms in Vietnam: EFL teachers' perceptions of their responses and the influential factors. *Innovation in Language Learning and Teaching*, 16(1).
- [33] Karavas-Doukas E, (1995). Teacher identified factors affecting the implementation of an EFL innovation in Greek public secondary schools. *Language, Culture and Curriculum*, 8(1), 53–68.
- [34] Smylie MA, (1988). The Enhancement Function of Staff Development: Organizational and

- Psychological Antecedents to Individual Teacher Change. *Am Educ Res J*, 25(1).
- [35] Berman P & McLaughlin MI, (1976). Implementation of educational innovation. *Educational Forum*, 40(3).
- [36] Nolder R, (1990). Accommodating curriculum change in mathematics: Teachers' dilemmas. *Proceedings of the Fourteenth Conference of the International Group for the Psychology of Mathematics Education, ERIC*, 167–174, 167–174.
- [37] Bennie K & Newstead K, (1999). Obstacles to implementing a new curriculum. *Proceedings of the National Subject Didactics Symposium*, 150–157, 150–157.
- [38] Tran TT, (2013). Factors affecting teaching and learning English in Vietnamese universities. *The Internet Journal Language, Culture and Society*, 38(1).
- [39] Nguyễn PT, Trịnh QT, Hoàng TT, et al, (2022). Perceived factors affecting geography pre-service teachers' perception about Education for Sustainable Development. *HNUE Journal of Science*, 67(5), 17–28.
- [40] Ball SJ, (1992). Subject departments and the “implementation” of national curriculum policy: An overview of the issues. *Journal of Curriculum Studies*, 24(2), 97–115.
- [41] Thao NP, Kieu TK, Schrufer G, et al, (2022). Teachers' competencies in education for sustainable development in the context of Vietnam. *International Journal of Sustainability in Higher Education*, 23(7), 1730–1748.
- [42] Nguyễn PT, Chủ ND, Hoàng TT, et al, (2023). Các cách tiếp cận trong nghiên cứu động lực của giáo viên. *Tạp chí Giáo dục*, 23(15), 8–14.